ÔN TẬP PHÂN MÔN ĐỊA LÍ 6

**THỜI TIẾT VÀ KHÍ HẬU**

**VÀ CÁC ĐỚI KHÍ HẬU TRÊN TRÁI ĐẤT**

**1. Kiến thức**:

-Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.

-Mô tả được hiện tượng hình thành mây và mưa.

-Biết sử dụng nhiệt kế và ẩm kế.

-Phân biệt thời tiết và khí hậu.

-Trình bày được khái quát đặc điểm của một đới khí hậu.

- Làm tốt bài kiểm tra

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**4. Nội dung**

**\*Nhiệt độ không khí**

- Mặt Trời là nguồn cung cấp ánh sáng và nhiệt cho Trái Đất.

- Dụng cụ đo nhiệt độ không khí là nhiệt kế. Có hai loại nhiệt kế thường dùng là nhiệt kế có bầu thuỷ ngân (hoặc rượu) và nhiệt kế điện tử.

- ở các trạm khí tượng, nhiệt kế được đặt trong lều khí tượng sơn màu trắng, cách mặt đất 1,5 m. Nhiệt độ không khí được đo ít nhất 4 lần trong ngày (ở Việt Nam vào các thời điềm: 1, 7, 13, 19 giờ)

**\*Sự thay đồi nhiệt độ không khí trên bể mặt Trái Đất theo vĩ độ.**

- Không khi ở các vùng vĩ độ thấp nóng hơn không khi ở các vùng vĩ độ cao.

- Ở các vùng vĩ độ thấp quanh năm có góc chiếu của tia sáng mặt trời với mặt đất lớn nên nhận được nhiều nhiệt, không khí trên mặt đất nóng.

- Càng lên gần cực, góc chiếu của tia sáng mặt trời càng nhỏ, mặt đất nhận được ít nhiệt hơn, không khí trên mặt đất cũng ít nóng hơn

\***Độ ẩm không khí, Mây và mưa**

- Trong không khí có hơi nước

 - Hơi nước trong không khí tạo ra độ ẩm của không khí.

- Dụng cụ để đo độ ẩm của KHÔNG KHÍ gọi là ẩm kế .

- Nhiệt độ không khí càng cao thì khả năng chứa hơi nước của không khí càng lớn.

- Lượng hơi nước trong KHÔNG KHÍ đã bão hoà hoặc hơi nước bốc lên cao hoặc hơi nước tiếp xúc vơi khối không khí lạnh sẽ ngưng tụ

 Hơi nước bốc lên cao gặp lạnh ngưng tụ thành các hạt nước (mây), gặp điều kiện thuận lơi hạt nước to dần và rơi xuống, gọi là mưa .

 - Dụng cụ đo mưa là vũ kế .

 - Lượng mưa trung bình năm của một địa phương là lượng mưa của nhiều năm cộng lại và chia cho số năm

\***thời tiết và khí hậu**

- Thời tiết là trạng thái của khí quyền tại một thời điềm và khu vực cụ thề được xác định bẳng nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa và gió. Thời tiết luôn thay đổi

- Khí hậu ở một nơi là tồng hợp các yếu tố thời tiết (nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa, gió,...) của nơi đó, trong một thời gian dài và đã trở thành quy luật

\***Các đới khí hậu trên Trái Đất**



**5. Câu hỏi**

Phần trắc nghiệm

**Câu 1.** Để đo nhiệt độ không khí người ta dùng dụng cụ nào sau đây?

A. Áp kế.

B. Nhiệt kế.

C. Vũ kế.

D. Ẩm kế.

**Câu 2.** Nguồn cung cấp ánh sáng và nhiệt cho Trái Đất là

A. Con người đốt nóng.

B. Ánh sáng từ Mặt Trời.

C. Các hoạt động công nghiệp.

D. Sự đốt nóng của Sao Hỏa.

**Câu 3.** Càng lên vĩ độ cao nhiệt độ không khí càng

A. Tăng.

B. Không đổi.

C. Giảm.

D. Biến động.

**Câu 4.** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với khí hậu đới nóng?

A. Góc chiếu của ánh sáng Mặt Trời rất nhỏ.

B. Lượng mưa trung bình từ 1000 - 2000 mm.

C. Gió Tín phong thổi thường xuyên quanh năm.

D. Nắng nóng quanh năm và nền nhiệt độ cao.

**Câu 5.** Không khí trên mặt đất nóng nhất là vào

A. 11 giờ trưa.

B. 14 giờ trưa.

C. 12 giờ trưa.

D. 13 giờ trưa.

**Câu 6.** Dụng cụ nào sau đây được dùng đo độ ẩm không khí?

A. Ẩm kế.

B. Áp kế.

C. Nhiệt kế.

D. Vũ kế.

**Câu 7.** Khi không khí đã bão hòa mà vẫn được cung cấp thêm hơi nước thì

A. Hình thành độ ẩm tuyệt đối.

B. Tạo thành các đám mây.

C. Sẽ diễn ra hiện tượng mưa.

D. Diễn ra sự ngưng tụ.

**Câu 8.** Loại gió nào sau đây thổi thường xuyên ở khu vực đới lạnh?

A. Tín phong.

B. Đông cực.

C. Tây ôn đới.

D. Gió mùa.

**Câu 9.** Trên bề mặt Trái Đất có bao nhiêu đới ôn hòa?

A. 4.

B. 5.

C. 2.

D. 3.

**Câu 10.** Việt Nam nằm trong khu vực có lượng mưa trung bình năm là bao nhiêu?

A. Trên 2000mm.

B. 1000 - 2000 mm.

C. Dưới 500mm.

D. 500 - l000mm.

**Câu 11.** Việt Nam nằm trong đới khí hậu nào trên Trái Đất?

A. Cận nhiệt.

B. Nhiệt đới.

C. Cận nhiệt đới.

D. Hàn đới.

**Câu 12.** Trên Trái Đất có những đới khí hậu nào sau đây?

A. Một đới nóng, hai đới ôn hoà, hai đới lạnh.

B. Hai đới nóng, một đới ôn hoà, hai đới lạnh.

C. Một đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

D. Hai đới nóng, hai đới ôn hoà, một đới lạnh.

**Câu 13.** Ngày 13/12/2020, người ta đo được nhiệt độ lúc 1 giờ được 190C, lúc 7 giờ được 240C lúc 13 giờ được 320C và lúc 19 giờ được 290C. Vậy nhiệt độ trung bình của ngày hôm đó là bao nhiêu?

A. 280C.

B. 250C.

C. 260C.

D. 270C.

**Câu 14.** Khí hậu là hiện tượng khí tượng

A. Xẩy ra trong một thời gian ngắn ở một nơi.

B. Lặp đi lặp lại tình hình của thời tiết ở nơi đó.

C. Xảy ra trong một ngày ở một địa phương.

D. Xảy ra khắp mọi nơi và thay đổi theo mùa.

**Câu 15.** Loại gió nào sau đây thổi thường xuyên trong khu vực đới nóng?

A. Tây ôn đới.

B. Gió mùa.

C. Tín phong.

D. Đông cực.

**Câu 16.** Nhiệt độ trung bình ngày là kết quả tổng cộng nhiệt độ 4 lần trong ngày vào các thời điểm

A. 2 giờ, 8 giờ, 15 giờ, 21 giờ.

B. 3 giờ, 9 giờ, 12 giờ, 19 giờ.

C. 1 giờ, 6 giờ, 14 giờ, 20 giờ.

D. 1 giờ, 7 giờ, 13 giờ, 19 giờ.

**Câu 17.** Nhiệt độ trung bình năm cao nhất thường ở vùng

A. chí tuyến.

B. ôn đới.

C. Xích đạo.

D. cận cực.

**Câu 18.** Trên Trái Đất có bao nhiêu đới khí hậu?

A. 5.

B. 6.

C. 3.

D. 4.

**Câu 19.** Các mùa trong năm thể hiện rất rõ là đặc điểm của đới khí hậu nào sau đây?

A. Nhiệt đới.

B. Cận nhiệt đới.

C. Ôn đới.

D. Hàn đới.

**Câu 20.** Lượng mưa trung bình năm trên 2000mm là đặc điểm của đới khí hậu nào sau đây?

A. Cận nhiệt.

B. Hàn đới.

C. Nhiệt đới.

D. Ôn đới.

Phần tự luận

*5.1.Cho biết cách tính nhiệt độ trung bình tháng và nhiệt độ trung bình năm dựa vào cách tính nhiệt độ trung bình ngày.*

*5.2.Cho bảng số liệu sau:*

Bảng 13.3 Nhiệt độ theo giờ của một ngày trong tháng 11 tại Hà Nội

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Giờ** | 1 | 7 | 13 | 19 |
| **Nhiệt độ (°C)** | 19 | 19 | 27 | 23 |

* *Hãy tính nhiệt độ trung bình ngày trong tháng 11 của Hà Nội.*
* *Trong ngày, nhiệt độ cao nhất là bao nhiêu °c ? Thấp nhất là bao nhiêu °c?*

Nhiệt độ cao nhất và thấp nhất trong ngày chênh nhau bao nhiêu °c

5.3. Trên trái Đất có những loại gió nào? Các loại gió đó nằm trong giới hạn nào?

5.4. Khi nào hơi nước trong không khí chuyển từ trạng thái hơi sang trạng thái lỏng( nước)?

5.5. Thời tiết và khí hậu giống nhau và khác nhau ở những điểm nào?

**BIÊN ĐỔI KHÍ HẬU**

**VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIÊN ĐỔI KHÍ HẬU**

**1. Kiến thức**:

-Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu.

-Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

**2. Năng lực**

**\* Năng lực chung**

**-** Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

**-** Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

**\* Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

**3. Phẩm chất**

-Trách nhiệm:

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

**4.Nội dung**

**\*Biến đồi khí hậu**

**Nguyên nhân:** Có nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu là do tăng nhanh của khí CO2

**Biểu hiện:** biểu hiện bởi sự nóng lên toàn cầu, mực nước biền dâng và gia tăng các hiện tượng khí tượng thuỷ văn cực đoan.

**Hậu quả:** làm cho thiên tai xảy ra ngày càng nhiều và khốc liệt.

**Giải pháp:** sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng, sử dụng phương tiện giao thông công cộng, hạn chế dùng túi ni-lông, tích cực trồng cây xanh, bảo vệ rừng,...

**\*Phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu**

|  |  |
| --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Biện pháp** |
| Trước khi xảy ra thiên tai | Dự báo thời tiết, dự trữ lương thực, trổng và bảo vệ rừng, xây dựng hổ chứa, sơ tán người dân. |
| Trong khi xảy ra thiên tai | Ở nơi an toàn, hạn chế di chuyển, giữ gìn sức khoẻ, sử dụng nước và thực phẩm tiết kiệm, theo dõi thông tin thiên tai. |
| Sau khi xảy ra thiên tai | Khắc phục sự cố, vệ sinh nơi ở, vệ sinh môi trường, giúp đỡ người khác. |

**5. Câu hỏi**

5.1. Nguyên nhân gây biến đổi khí hậu? hậu quả? Biện pháp hạn chế biến đổi khí hậu?

5.2.Địa phương nơi em ở thường xẩy ra loại thiên tai nào? Bản thân em có thể làm gì để phòng tránh thiên tai ấy?

5.3. Biến đổi khí hậu cũng mang lại một số tác dụng, vậy tác dụng đó là gì?

5.4. Tương lai con người sẽ dùng các xe chạy điện để thay thế cho xe chạy bằng xăng và dầu như hiện nay vì sao lại thế?